TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2023/KDTM-PT
Ngày 01 - 12 – 2023
V/v tranh chấp hợp đồng kinh tế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Minh Nguyệt

Các Thẩm phán: Ông Trương Thanh Dũng

Bà Giang Thị Cẩm Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Kiều Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhỏ - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 13/2023/TLPT-KDTM ngày 25 tháng 10 năm 2023 về "Tranh chấp hợp đồng kinh tế".

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 10/2023/KDTM-ST ngày 29 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố N1, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 12/2023/QĐ-PT ngày 10 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đầu tư xây dựng A; Địa chỉ: Tỉnh lộ 11, khóm M, phường M1, thị xã M2, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông B**,** sinh năm 1986, chức vụ: Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đầu tư xây dựng A.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà C, chức vụ: Phó Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đầu tư xây dựng A (có mặt).

- *Bị đơn:* Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại và dịch vụ D; Địa chỉ: Số 71/315A (nay là số 273), đường N, Khóm 10, Phường 1, thành phố N1, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đ, chức vụ: Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại và dịch vụ D (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Tổng Công ty E; Địa chỉ: Số 72, đường L, phường L1, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông E1, chức vụ: Tổng Giám đốc của Tổng Công ty E.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông E1: Ông E2, chức vụ: Giám đốc E3; Địa chỉ: Số 51, đường số 01, Khu tập thể Q, ấp Q1, thị trấn Q2, huyện Q3, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

2. Bà C, sinh năm 1975; Địa chỉ: Trung tâm thương mại, Khóm 2, Phường 1, thị xã M2, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đầu tư xây dựng A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại Đơn khởi kiện ngày 01/10/2022 và các lời khai tại Toà án, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là bà C, đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:*

Vào ngày 26/6/2020, giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đầu tư xây dựng A (gọi tắt là Công ty A) và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại và dịch vụ D (gọi tắt là Công ty D) có ký kết Hợp đồng kinh tế số 91/2020/HĐKT và Phụ lục số 01 kèm theo hợp đồng, nội dung: Công ty D lắp đặt cho Công ty A 80 Tấm pin năng lượng mặt trời Pin Vsun 395W-72M MONO, năng suất đạt 30KW/01 ngày, với giá 12.000.000 đồng/01KW (30KW = 360.000.000 đồng bao gồm tiền bảo hành), trung bình mỗi 1KW của 80 Tấm pin năng lượng mặt trời sản xuất 4,5KW điện/01 ngày (30KW đạt công suất 135KW điện/01 ngày). Thời hạn thực hiện hợp đồng là 07 ngày kể từ ngày ký hợp đồng. Điều khoản bảo hành và trách nhiệm tại Điều 4 và Điều 5 của hợp đồng. Công ty D có trách nhiệm liên hệ với Điện lực để hoà mạng điện giữa điện năng lượng mặt trời với điện Nhà nước. Hợp đồng không có trang 2, nhưng Công ty A không yêu cầu giám định hợp đồng, do Công ty D đã lắp đặt đầy đủ chi tiết vật tư, đơn vị tính, số lượng theo Phụ lục số 01 và hoàn thành công trình đúng như các bên thỏa thuận, Công ty D cài đặt trên điện thoại của bà CAPP ShinePhone để theo dõi điện năng, Công ty A đã thanh toán cho Công ty D 330.000.000 đồng, còn lại 30.000.000 đồng khi nào bàn giao, nghiệm thu sẽ thanh toán đủ, mặc dù các bên không có thoả thuận điều khoản bàn giao, nghiệm thu trong hợp đồng.

Sau khi lắp đặt xong, bà Csử dụng điện sinh hoạt trong gia đình và ký hợp đồng mua bán điện cho hệ thống điện mặt trời mái nhà số 94950118001106 ngày 15/12/2020 với Tổng Công ty Điện lực miền Nam, thời hạn hợp đồng là 20 năm kể từ ngày ký hợp đồng, hàng tháng bán điện bao nhiêu thu tiền bấy nhiêu, không có thu tiền trước và không có đặt cọc. Đến tháng 7/2022 Điện lực thị xã M2 đã thánh toán cho bà C45.899.676 đồng, từ tháng 8/2022 đến nay không có sản lượng phát lưới điện, nên không bán được điện cho Điện lực thị xã M2.

Quá trình sử dụng, không đảm bảo công suất theo thoả thuận, từ tháng 7/2022 đến nay do đường dây âm dưới lòng đất bị chập, nên không hoạt động; Công ty A yêu cầu Công ty D khắc phục và bàn giao, nghiệm thu, nhưng Công ty D không khắc phục và không bàn giao, nghiệm thu. Công ty A không yêu cầu

thẩm định đối với công trình điện năng lượng mặt trời các bên đang tranh chấp do các bên không có tranh chấp về chất lượng chi tiết vật tư theo Phụ lục số 01. Đồng thời, Công ty A yêu cầu Toà án căn cứ vào Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 09/5/2022 để giải quyết. Căn cứ Điều 8 Hợp đồng kinh tế ngày 26/6/2020 Công ty A yêu cầu Huỷ hợp đồng kinh tế ngày 26/6/2020 giữa Công ty A với Công ty D, yêu cầu Công ty D thu lại toàn bộ vật tư và trả lại cho Công ty A số tiền 330.000.000 đồng.

** Người đại diện theo pháp luật của bị đơn là ông Đ trình bày:* Vào ngày 26/6/2020 giữa Công ty A và Công ty D có ký kết Hợp đồng kinh tế số 91/2020/HĐKT, nội dung: Công ty D lắp đặt cho Công ty A 80 Tấm pin năng lượng mặt trời Pin Vsun 395W-72M MONO, năng suất đạt 30KW/01 ngày, giá 12.000.000 đồng/01KW (30KW = 360.000.000 đồng bao gồm cả tiền bảo hành), trung bình mỗi 1KW của 80 Tấm pin năng lượng mặt trời sản xuất 3- 3,5KW điện/01 ngày (30KW đạt công suất 100 -150KW điện/01 ngày). Công ty D đã lắp đầy đủ chi tiết vật tư, đơn vị tính, số lượng theo Phụ lục số 01 kèm hợp đồng. Thời hạn thực hiện hợp đồng hai bên không thoả thuận cụ thể mà thoả thuận khi nào lắp đặt xong và Công ty A ký hợp đồng mua bán điện năng lượng mặt trời với bên điện lực thì thanh toán cho Công ty D 100% giá trị hợp đồng. Điều khoản bảo hành và trách nhiệm của các bên tại Điều 4 và Điều 5 hợp đồng. Công ty D có trách nhiệm liên hệ với Điện lực để hoà mạng điện giữa điện năng lượng mặt trời với điện Nhà nước. Sau khi ký hợp đồng và sau khi lắp đặt xong, Công ty D cài đặt trên điện thoại của bà CAPP ShinePhone để theo dõi điện năng và Công ty A đã ký hợp đồng điện lực với Tổng Công ty Điện lực miền Nam thì Công ty A đã thanh toán cho Công ty D 330.000.000 đồng; hiện nay Công ty A còn nợ 30.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty A thì Công ty D có ý kiến như sau: Chỉ đồng ý huỷ Hợp đồng với điều kiện Công ty A trả lại cho Công ty D số tiền Công ty A đã bán điện cho Điện lực thị xã M2, trả cho Công ty D 25% giá trị chi phí vận chuyển và lắp đặt là 75.000.000 đồng và Công ty A phải uỷ quyền cho Công ty D với Tổng Công ty Điện lực miền Nam mua bán điện như hợp đồng mua bán điện ban đầu giữa bà Cvà Tổng Công ty Điện lực miền Nam. Về chất lượng chi tiết vật tư theo Phụ lục 01 thì Công ty D không xác định được, trường hợp thuê đơn vị có thẩm quyền thẩm định công trình do bị đơn lắp đặt không đúng chất lượng theo chi tiết vật tư theo Phụ lục 01 thì Công ty D đồng ý huỷ Hợp đồng, đồng ý thu lại toàn bộ vật tư và đồng ý hoàn trả cho Công ty A 330.000.000 đồng, không yêu cầu gì khác; trường hợp đúng chất lượng theo chi tiết vật tư theo Phụ lục 01 thì yêu cầu Công ty A tiếp tục thực hiện hợp đồng và yêu cầu Công ty A phải trả cho Công ty D 30.000.000 đồng còn lại, Công ty D sẽ bảo hành theo đúng hợp đồng các bên đã ký kết, nếu vi phạm sẽ chịu mọi thiệt hại và bồi thường cho Công ty A nếu gây thiệt hại. Đồng thời, Công ty D có đơn phản tố yêu cầu công nhận Hợp đồng kinh tế số 91/2020/HĐKT ngày 26/6/2020 và yêu cầu Công ty A thanh toán cho Công ty D 30.000.000 đồng giá trị còn lại của hợp đồng.

** Người đại diện theo uỷ quyền của Tổng Công ty E là ông E2 trình bày:* Giữa Tổng Công ty Điện lực miền Nam với cá nhân bà Ccó ký hợp đồng mua

bán điện cho hệ thống điện mặt trời mái nhà số 94950118001106 ngày 15/12/2020. Do hệ thống điện năng lượng mặt trời được lắp đặt trên mái nhà của bà Chi, đồng thời bà Clà thành viên của Công ty A, nên ký hợp đồng với cá nhân bà Chi. Hợp đồng hai bên ký kết là 20 năm kể từ ngày 08/9/2020 đến ngày 08/9/2040; giá điện bán là 8,38 USCent/01KW (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng, được điều chỉnh theo biến động của tỷ giá đồng Việt Nam so với đồng đô la Mỹ), phương thức thanh toán theo điểm a khoản 2 Điều 3 và Điều 4 của hợp đồng. Tính đến tháng 7/2022 Điện lực thị xã M2 đã thánh toán cho bà Ctổng số tiền 45.899.676 đồng (đây là số tiền Điện lực thị xã M2 thanh toán cho số điện thực tế bà Cđã bán cho Điện lực thị xã M2), thanh toán bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản cá nhân của bà Cvà tài khoản của Công ty A. Từ tháng 8/2022 đến nay không có sản lượng phát lưới điện, nên không có thanh toán. Điện lực thị xã M2 không có đặt cọc hay trả tiền trước cho bà Chay Công ty A, chỉ trả tiền khi thực tế Điện lực thị xã M2 có mua điện cho hệ thống điện mặt trời mái nhà của bà Chi, trường hợp có mua điện thì trả tiền bằng hình thức khuyển khoản theo tháng. Trường hợp Huỷ hợp đồng kinh tế ngày 26/6/2020 giữa Công ty A với Công ty D thì Tổng Công ty điện lực miền Nam với bà Csẽ tự thoả thuận với nhau hợp đồng mua bán điện cho hệ thống điện mặt trời mái nhà số 94950118001106 ngày 15/12/2020. Trường hợp công nhận hợp đồng kinh tế ngày 26/6/2020 giữa Công ty A với Công ty D thì Tổng Công ty điện lực miền Nam với bà Cvẫn tiếp tục thực hiện hợp đồng mua bán điện cho hệ thống điện mặt trời mái nhà đến khi hết thời hạn hợp đồng. Do đó, Tổng Công ty điện lực miền Nam không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như yêu cầu phản tố của bị đơn, đồng thời không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Từ nội dung trên, tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 10/2023/KDTM-ST ngày 29 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố N1, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đầu tư xây dựng A đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại và dịch vụ D về việc yêu cầu Huỷ hợp đồng kinh tế ngày 26/6/2020 giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đầu tư xây dựng A với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại và dịch vụ D, yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại và dịch vụ D thu lại toàn bộ vật tư và trả lại số tiền Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đầu tư xây dựng A đã tạm ứng là 330.000.000 đồng.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại và dịch vụ D đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đầu tư xây dựng A.

2.1. Công nhận Hợp đồng kinh tế số 91/2020/HĐKT ngày 26/6/2020 giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đầu tư xây dựng A với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại và dịch vụ D là hợp pháp và có hiệu lực.

2.2. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đầu tư xây dựng A phải thanh toán số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) cho Công ty trách

nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại và dịch vụ D.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất trong giai đoạn thi hành án, án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Ngày 13 tháng 9 năm 2023, nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đầu tư xây dựng A kháng cáo Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 10/2023/KDTM-ST ngày 29 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố N1, tỉnh Bạc Liêu. Nguyên đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa toàn bộ án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Quan điểm Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa:

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:* Từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 10/2023/KDTM-ST ngày 29 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố N1, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, qua ý kiến trình bày của các đương sự, đề xuất của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền:* Nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đầu tư xây dựng A, bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại và dịch vụ D, cả hai bên đều có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận. Xét thấy, nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng kinh tế đối với bị đơn nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là vụ án kinh doanh thương mại với quan hệ tranh chấp hợp đồng kinh tế theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng Dân sự là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật.

[3] *Về thẩm quyền giải quyết:* Bị đơn là Công ty D có trụ sở tại số 71/315A (nay là số 273), đường N, Khóm 10, Phường 1, thành phố N1, tỉnh Bạc Liêu nên Tòa án nhân dân thành phố N1, tỉnh Bạc Liêu thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] *Về sự có mặt của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa:* Đối với nguyên đơn đã ủy quyền tham gia tố tụng cho bà C; Bị đơn đã ủy quyền cho ông Đ; Bà Cvà ông Đcó mặt tại phiên tòa. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên

quan ông E2 đại diện theo ủy quyền của Tổng Công ty E có mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] *Về nội dung:* Tất cả các đương sự đều thống nhất xác định giữa Công ty A với Công ty D có ký kết Hợp đồng kinh tế số 91/2020/HĐKT ngày 26/6/2020 và Phụ lục số 01 kèm theo Hợp đồng, nội dung các bên thỏa thuận: Công ty D lắp đặt cho Công ty A 80 Tấm pin năng lượng mặt trời Pin Vsun 395W-72M MONO, năng suất đạt 30KW/01 ngày, với giá 12.000.000 đồng/01KW (30KW = 360.000.000 đồng bao gồm cả tiền bảo hành). Công ty D đã lắp đặt đầy đủ chi tiết vật tư, đơn vị tính, số lượng theo Phụ lục số 01, hoàn thành công trình và Công ty A đã thanh toán cho Công ty D số tiền 330.000.000 đồng. Điều khoản bảo hành và trách nhiệm của các bên tại Điều 4 và Điều 5 của hợp đồng. Công ty D có trách nhiệm liên hệ với Điện lực để hoà mạng điện giữa điện năng lượng mặt trời với điện Nhà nước. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[6] Xét kháng cáo của nguyên đơn không đồng ý toàn bộ án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn:

[6.1] Xét thấy, Hợp đồng kinh tế số 91/2020/HĐKT ngày 26/6/2020 giữa các bên được ký đúng chủ thể có thẩm quyền ký hợp đồng, chủ thể tham gia ký kết tự nguyện khi xác lập và thực hiện; mục đích, nội dung và hình thức của hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định của pháp luật, mặc dù hợp đồng không có trang 2 nhưng các bên không yêu cầu giám định hợp đồng do hợp đồng đã thực hiện xong đúng như các bên thoả thuận, đã được đưa vào sử dụng và Công ty A đã thanh toán cho Công ty D tổng số tiền 330.000.000 đồng. Công ty A cho rằng Công ty D không bàn giao, nghiệm thu công trình, công trình lắp đặt không đúng chất lượng, tuy nhiên các bên không có thoả thuận điều khoản bàn giao, nghiệm thu trong hợp đồng, thực tế Công ty D đã lắp đặt xong và Công ty A đã đưa vào sử dụng sinh hoạt trong gia đình và giữa bà Cvới Tổng Công ty điện lực miền Nam đã ký hợp đồng mua bán điện cho hệ thống điện mặt trời mái nhà số 94950118001106 ngày 15/12/2020, thời hạn 20 năm, Điện lực thị xã M2 đã thanh toán cho bà Ctiền mua bán điện đến tháng 7/2022 là 45.899.676 đồng. Công ty D xác định trường hợp thẩm định công trình không đúng chất lượng thì đồng ý huỷ hợp đồng, nhưng Công ty A không yêu cầu thẩm định chất lượng công trình với lý do các bên không có tranh chấp về chất lượng chi tiết vật tư theo Phụ lục số 01 kèm theo hợp đồng. Công ty A căn cứ Điều 8 của hợp đồng để yêu cầu huỷ hợp đồng, tuy nhiên Công ty A xác định Công ty D không vi phạm Điều 8 của hợp đồng mà vi phạm điều khoản bảo hành, do đó, cấp sơ thẩm xác định Công ty A có quyền khởi kiện Công ty D về điều khoản bảo hành theo quy định, thời hạn bảo hành 12 năm, đồng thời thời hạn mua bán điện với Tổng Công ty điện lực miền Nam 20 năm là có căn cứ. Căn cứ các Điều 116, 117, 118, 119 Điều 129 Bộ luật dân sự năm 2015 đủ căn cứ xác định hợp đồng kinh tế các bên ký kết có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của Công ty A yêu cầu huỷ hợp đồng kinh tế.

[6.2] Xét yêu cầu phản tố của bị đơn: Do đủ căn cứ chứng minh hợp đồng kinh tế số 91/2020/HĐKT ngày 26/6/2020 có hiệu lực, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty D về việc yêu cầu công nhận hợp đồng kinh tế số 91/2020/HĐKT ngày 26/6/2020. Các bên thống nhất giá trị hợp đồng kinh tế số 91/2020/HĐKT ngày 26/6/2020 là 360.000.000 đồng, Công ty A đã thanh toán cho Công ty D tổng số tiền 330.000.000 đồng, còn lại 30.000.000 đồng chưa thanh toán, do đó, cấp sơ thẩm quyết định buộc Công ty A thanh toán cho Công ty D số tiền 30.000.000 đồng còn lại là có căn cứ, đã xem xét, đánh giá chứng cứ đầy đủ, đúng quy định pháp luật, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn về việc bác yêu cầu phản tố của bị đơn.

[7] Tại cấp phúc thẩm, người kháng cáo không cung cấp thêm chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

[8] Xét ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 10/2023/KDTM-ST ngày 29 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố N1, tỉnh Bạc Liêu. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

[9] Án phí phúc thẩm: Do nguyên đơn kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định.

[10] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị được giữ nguyên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đầu tư xây dựng A. Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 10/2023/KDTM-ST ngày 29 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố N1, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 116, 117, 118, 119, 129, 401, 403, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm a, b khoản 1 Điều 24, khoản 3 và khoản 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đầu tư xây dựng A đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại và dịch vụ D về việc yêu cầu Huỷ hợp đồng kinh tế ngày 26/6/2020 giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đầu tư xây

dựng A với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại và dịch vụ D, yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại và dịch vụ D thu lại toàn bộ vật tư và trả lại số tiền Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đầu tư xây dựng A đã tạm ứng là 330.000.000 đồng.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại và dịch vụ D đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đầu tư xây dựng A.

2.1. Công nhận Hợp đồng kinh tế số 91/2020/HĐKT ngày 26/6/2020 giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đầu tư xây dựng A với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại và dịch vụ D là hợp pháp và có hiệu lực.

2.2. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đầu tư xây dựng A phải thanh toán số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại và dịch vụ D.

3. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí:

4.1. Án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đầu tư xây dựng A phải chịu 6.000.000 đồng (trong đó án phí không có giá ngạch 3.000.000 đồng và án phí có giá ngạch 3.000.000 đồng). Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đầu tư xây dựng A đã nộp tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0007967 ngày 19/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N1, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí số tiền 300.000 đồng, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đầu tư xây dựng A còn phải nộp tiếp số tiền 5.700.000 đồng (Năm triệu, bảy trăm nghìn đồng).

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại và dịch vụ D không phải chịu. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại và dịch vụ D đã nộp tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0008247 ngày 20/12/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N1, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại và dịch vụ D số tiền 300.000 đồng.

4.2. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đầu tư xây dựng A phải chịu 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đầu tư xây dựng A đã nộp tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) tại Biên lai thu số 0009010 ngày 25/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N1 được chuyển thu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm 2.000.000 đồng.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh (01 bản);
- VKSND tỉnh Bạc Liêu (02 bản);
- TAND Tp. Bạc Liêu (01 bản);
- CCTHADS Tp. Bạc Liêu (01 bản);
- Các đương sự (04 bản);
- Lưu HS, Tổ HCTP (01 bản).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Minh Nguyệt